

Số: /TTr-STP

Tuyên Quang, ngày tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII *Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*; Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về *tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập*; Kế hoạch số 168-KH/TU ngày 18/02/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI), Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh *Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*; Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 08/3/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh *Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*.

- Điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định Sở Tư pháp có nhiệm vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh: *“Dự thảo văn bản quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở”*.

- Khoản 1 Điều 8 Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV quy định: *“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: a) Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Tư pháp...”*.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực hiện Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Liên Bộ: Tư pháp và Nội vụ *Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh*, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2015 *Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang*; Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về *việc chuyển nhiệm vụ, biên chế, công chức Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính từ Sở Tư pháp sang Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh*. Theo đó, tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp gồm có: Lãnh đạo Sở; Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, 05 Phòng chuyên môn và 03 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở (*sau đây gọi chung là phòng, đơn vị*). Cơ cấu các phòng, đơn vị gồm có cấp Trưởng, không quá 02 cấp phó và các chuyên viên. Tuy nhiên với số biên chế được giao ít (24 biên chế công chức hành chính), đầu mỗi các phòng, đơn vị thuộc Sở nhiều, trung bình mỗi phòng chỉ có 2 đến 3 người, nếu bổ nhiệm đủ Trưởng, phó phòng đúng theo cơ cấu thì không đủ người để bổ nhiệm làm lãnh đạo cấp phòng và không có chuyên viên. Với biên chế ít, đầu mỗi nhiều trong khi nhiệm vụ được giao nhiều, có nhiệm vụ đòi hỏi phải huy động nhiều cán bộ cùng làm nhưng do nhiều đầu mỗi nên Lãnh đạo Sở Tư pháp phải linh hoạt bố trí, tạo cơ chế phối hợp giữa các phòng, đơn vị, nhưng chất lượng, hiệu quả một số việc chưa được như mong muốn, đòi hỏi phải tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực hiệu quả hoạt động của các phòng, đơn vị.

Từ các vấn đề 2 nêu trên và để kịp thời bố trí, sắp xếp và kiện toàn tinh gọn tổ chức bộ máy của Sở Tư pháp theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết 19-NQ/TW, thì việc UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

II. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN

Các văn bản quy phạm pháp luật làm căn cứ để soạn thảo, trình ban hành văn bản gồm:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Thông tư liên tịch số 23/2015/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2015 của Liên bộ Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh,

thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

- Các văn bản pháp luật về lĩnh vực tư pháp.

- Văn bản số 2587/UBND-NC ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân tỉnh quy định:

“Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

- Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang...

Thời gian hoàn thành, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện trước ngày 15/11/2018”.

- Hướng dẫn của Sở Nội vụ về xây dựng Phương án dự kiến bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng cấp phó của cơ quan, đơn vị tại Văn bản số 573/SNV ngày 08/10/2018 Về việc báo cáo thực trạng tổ chức bộ máy, biên chế và xây dựng Phương án dự kiến bố trí, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, số lượng cấp phó của cơ quan, đơn vị

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO

Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Sở Tư pháp đã lập đề xuất xây dựng Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang và trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 66/TTr-STP ngày 15/8/2018.

Thực hiện Văn bản số 2587/UBND-NC ngày 24/8/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân tỉnh, Sở Tư pháp đã thành lập Tổ soạn thảo văn bản và ban hành Kế hoạch soạn thảo dự thảo văn bản. Tổ soạn thảo văn bản đã tổ chức thu thập, nghiên cứu các văn bản pháp luật và tài liệu liên quan.

- Ngày, Sở Tư pháp đã ban hành Văn bản số ... về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang. Kết quả, Sở Tư pháp đã nhận được văn bản tham gia ý kiến của cơ quan, đơn vị, trong đó có ... cơ quan, đơn vị nhất trí hoàn toàn với dự thảo Quyết định; ... cơ quan có ý kiến tham gia đóng góp vào dự thảo Quyết định. Trên cơ sở ý kiến tham gia bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị, Sở Tư pháp đã tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Quyết định.

- Ngày ..., Sở Tư pháp đã tổ chức họp Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo văn bản với sự tham gia của đại diện các cơ quan: Tại cuộc họp, Hội đồng tư vấn thẩm định đã...

Căn cứ Báo cáo thẩm định số ... về kết quả thẩm định Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang và ý kiến của Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo văn bản, Sở Tư pháp đã tiếp thu ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo Quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Dự thảo Quyết định gồm 06 điều, cụ thể:

- Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;
- Điều 2: Vị trí, chức năng
- Điều 3: Nhiệm vụ, quyền hạn
- Điều 4: Cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp
- Điều 5: Trách nhiệm thực hiện
- Điều 6: Hiệu lực của văn bản

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: ...

Vậy, Sở Tư pháp kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

(1) *Dự thảo Quyết định* Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang (Bản giấy và bản điện tử);

(2) *Báo cáo thẩm định số ...* (Bản giấy và bản điện tử);

(3) *Bản giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định* (Bản giấy và bản điện tử);

(4) *Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân* (Bản điện tử);

(5) *Bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân* (Bản điện tử)/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để trình);
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Phòng XD&KTVBQPPL;
- Lưu VT, VP.Giang

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số .../2018/NĐ-CP ngày tháng năm 2018 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số/TTr-STP ngày tháng năm 2018 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số .../TTr-SNV ngàythángnăm 2018 về việc ban hành Quyết định Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Tư pháp; các phòng, đơn vị tham mưu, tổng hợp, chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp; các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Vị trí, chức năng

1. Sở Tư pháp là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về: công tác xây dựng pháp luật; theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; pháp chế; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; hộ tịch; thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; quốc tịch; chứng thực; nuôi con nuôi; lý lịch tư pháp; bồi thường nhà nước; trợ giúp pháp lý; luật sư; tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản; hòa giải thương mại; đăng ký biện pháp bảo đảm; công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tư pháp có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Tư pháp.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo nghị quyết, quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc phạm vi thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực tư pháp;

b) Dự thảo kế hoạch dài hạn, 05 năm, hàng năm và các đề án, dự án, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước, cải cách tư pháp, xây dựng, hoàn thiện pháp luật thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực tư pháp;

c) Dự thảo văn bản quy định cụ thể điều kiện, tiêu chuẩn chức danh đối với cấp Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Tư pháp; Trưởng, Phó trưởng phòng Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thuộc tỉnh (*sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện*).

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Dự thảo quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các tổ chức, đơn vị thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật;

b) Dự thảo quyết định, chỉ thị cá biệt thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác tư pháp ở địa phương.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án trong lĩnh vực tư pháp đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

4. Về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kiểm tra đề nghị ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân, danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước theo quy định của pháp luật;

c) Tham gia xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh do cơ quan chuyên môn khác của Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì soạn thảo;

d) Thẩm định các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức lấy ý kiến nhân dân về các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp;

e) Hướng dẫn việc đánh giá tác động thủ tục hành chính trong quá trình đề nghị xây dựng chính sách và soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Về theo dõi thi hành pháp luật:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật tại địa phương; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

c) Tổng hợp, xây dựng báo cáo tình hình thi hành pháp luật ở địa phương và kiến nghị các biện pháp giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong thi hành pháp luật với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp;

d) Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tự kiểm tra văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật;

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm tra văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện; hướng dẫn cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tự kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) theo quy định của pháp luật;

c) Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý văn bản trái pháp luật đã được phát hiện; kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các biện pháp xử lý văn bản trái pháp luật theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện kiểm tra, xử lý đối với các văn bản có chứa quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân hoặc quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân; các văn bản có chứa quy phạm pháp luật hoặc có thể thức như văn bản quy phạm pháp luật do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

7. Về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

a) Tham mưu với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định pháp luật;

b) Đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Về phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở và tử sách pháp luật:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các đề án, văn bản, chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện sau khi các đề án, văn bản, chương trình, kế hoạch được ban hành;

b) Theo dõi, hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn;

c) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh;

d) Xây dựng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; tham gia với các cơ quan có liên quan thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy môn giáo dục công dân, giáo viên, giảng viên dạy pháp luật theo quy định của pháp luật;

đ) Theo dõi, hướng dẫn, cải tiến việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi về tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật; hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên theo quy định của pháp luật.

9. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

10. Về hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và nuôi con nuôi:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch, quốc tịch tại địa phương; hướng dẫn nghiệp vụ cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và công chức Tư pháp - Hộ tịch thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

b) Xây dựng hệ thống tổ chức đăng ký và quản lý hộ tịch; quản lý, cập nhật, khai thác Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử theo quy định; thực hiện nhiệm vụ đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật;

c) Giải quyết các việc về nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các việc về nuôi con nuôi thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật; đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi, hủy bỏ những giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trái với quy định của pháp luật (trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật);

đ) Thực hiện các nhiệm vụ để giải quyết hồ sơ xin nhập, xin thôi, xin trở lại quốc tịch Việt Nam; xin cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam; xin cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam; thông báo có quốc tịch Việt Nam; quản lý và lưu trữ hồ sơ về quốc tịch theo quy định của pháp luật.

11. Về lý lịch tư pháp:

a) Xây dựng, quản lý, khai thác, bảo vệ và sử dụng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Tiếp nhận, xử lý thông tin lý lịch tư pháp do Tòa án, cơ quan Thi hành án dân sự, các cơ quan, tổ chức có liên quan và Trung tâm Lý lịch tư pháp

quốc gia cung cấp; cung cấp lý lịch tư pháp, thông tin bổ sung cho Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia; cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp khác;

c) Lập Lý lịch tư pháp, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp bổ sung theo quy định;

d) Cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo thẩm quyền.

12. Về bồi thường nhà nước:

a) Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường trong phạm vi địa phương theo quy định của pháp luật; đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án tại địa phương;

c) Đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác bồi thường nhà nước, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định;

d) Tham gia xác minh thiệt hại và thương lượng việc bồi thường tại địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị người có thẩm quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án có nội dung giải quyết bồi thường, kiến nghị thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ xem xét lại quyết định hoàn trả, giảm mức hoàn trả theo quy định của pháp luật; yêu cầu thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp người thi hành công vụ gây thiệt hại hủy quyết định giải quyết bồi thường theo quy định của pháp luật;

e) Phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường tại địa phương.

13. Về trợ giúp pháp lý

a) Quản lý, hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; hoạt động tham gia trợ giúp pháp lý của các tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng tỉnh;

c) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, bổ nhiệm và cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý, miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý, cấp lại thẻ trợ giúp viên pháp lý;

d) Cấp, thu hồi và cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý; cấp, thay đổi, cấp lại và thu hồi Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý của tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý;

đ) Thực hiện công bố danh sách các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

e) Lựa chọn, ký kết hợp đồng trợ giúp pháp lý với các tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật trên địa bàn; kiểm tra, giám sát hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, khen thưởng, xử lý vi phạm hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng, xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân ký hợp đồng; thanh toán thù lao và chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý cho tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định.

14. Về luật sư và tư vấn pháp luật:

a) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức và hoạt động tư vấn pháp luật tại địa phương;

b) Thẩm định hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập, phê chuẩn kết quả Đại hội của Đoàn luật sư, giải thể Đoàn luật sư; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban Chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới;

c) Cấp, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam, Trung tâm tư vấn pháp luật; cấp, thu hồi Thẻ tư vấn viên pháp luật;

d) Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư Việt Nam, tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài cho cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật; đề nghị Đoàn luật sư cung cấp thông tin về tổ chức và hoạt động của luật sư, yêu cầu tổ chức hành nghề luật sư báo cáo về tình hình tổ chức và hoạt động khi cần thiết;

đ) Lập danh sách, theo dõi người đăng ký hành nghề tại Đoàn luật sư tại địa phương.

15. Về công chứng:

a) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm, miễn nhiệm Công chứng viên; thực hiện đăng ký hành nghề và cấp, cấp lại Thẻ công chứng viên; quyết định tạm đình chỉ hành nghề công chứng; xóa đăng ký hành nghề, ra quyết định thu hồi Thẻ công chứng viên theo quy định;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, chuyển đổi, giải thể Phòng Công chứng và cho phép thành lập, thay đổi, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng và thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định;

c) Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; ghi nhận thay đổi danh sách công chứng viên là thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng; xem xét, thông báo bằng văn bản cho Văn phòng công chứng về việc đăng ký danh sách công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng;

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của Hội công chứng viên tỉnh; xây dựng, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về công chứng theo quy định.

16. Về giám định tư pháp:

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp; chuyển đổi loại hình hoạt động, thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp;

b) Cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng giám định tư pháp; phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp ở địa phương;

c) Đánh giá về tổ chức, chất lượng hoạt động giám định tư pháp ở địa phương; đề xuất các giải pháp bảo đảm số lượng, chất lượng của đội ngũ người giám định tư pháp theo yêu cầu của hoạt động tố tụng tại địa phương;

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về giám định tư pháp ở địa phương theo quy định của pháp luật.

17. Về đấu giá tài sản:

a) Cấp, cấp lại, thu hồi, thay đổi nội dung giấy đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp đấu giá tài sản, chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản;

b) Cấp, cấp lại, thu hồi thẻ đấu giá viên theo quy định của pháp luật.

18. Về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản

a) Tổ chức đăng ký hành nghề, lập và công bố danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương;

b) Tạm đình chỉ, gia hạn, hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản; xóa tên Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản khỏi danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

c) Rà soát, thống kê và báo cáo số liệu về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, hoạt động hành nghề Quản tài viên tại địa phương và đề nghị Bộ trưởng Bộ Tư pháp thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên.

d) Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo thẩm quyền;

e) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp về Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản và hoạt động hành nghề quản lý, thanh lý tài sản tại địa phương định kỳ hàng năm và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

19. Về hòa giải thương mại

a) Đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại; đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại; thu hồi Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

b) Đăng ký, lập và xóa tên hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở;

c) Cập nhật, công bố danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc, tổ chức hòa giải thương mại trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp; rà soát, thống kê, báo cáo số liệu về hòa giải viên thương mại hàng năm tại địa phương;

d) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ về hòa giải thương mại;

đ) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về hoạt động hòa giải thương mại tại địa phương theo thẩm quyền;

e) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp về hoạt động hòa giải thương mại tại địa phương định kỳ hàng năm và khi có yêu cầu;

20. Về trọng tài thương mại

a) Đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung Giấy phép thành lập, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh của Trung tâm trọng tài.

b) Cập nhật thông tin về Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

c) Cung cấp thông tin về việc đăng ký hoạt động, việc lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam cho cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

d) Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trọng tài.

đ) Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tổ chức trọng tài, trọng tài viên theo thẩm quyền.

e) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động trọng tài theo quy định của pháp luật về trọng tài.

g) Báo cáo về tổ chức, hoạt động của Trung tâm trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài; Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam theo định kỳ hàng năm và trong trường hợp đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh.

21. Về đăng ký biện pháp bảo đảm:

a) Thực hiện kiểm tra định kỳ các Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Định kỳ báo cáo Bộ Tư pháp về việc đăng ký biện pháp bảo đảm đối với quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại địa phương.

a) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc đăng ký và quản lý đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan;

b) Xây dựng hệ thống đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại địa phương;

c) Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho người thực hiện đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;

d) Hướng dẫn Văn phòng đăng ký đất đai cập nhật, tích hợp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất vào Hệ thống dữ liệu quốc gia về biện pháp bảo đảm;

đ) Báo cáo định kỳ hàng năm cho Bộ Tư pháp về việc đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại địa phương;

2.22. Về công tác pháp chế:

a) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chương trình, kế hoạch công tác pháp chế hàng năm ở địa phương và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành;

b) Quản lý, kiểm tra công tác pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành trong việc hướng dẫn, tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế đối với công chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế đối với tổ chức pháp chế của các doanh nghiệp nhà nước tại địa phương;

đ) Tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng, củng cố tổ chức pháp chế, thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác pháp chế tại địa phương.

23. Tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

24. Về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

a) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính tại địa phương; đề xuất việc nghiên cứu, xử lý các quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn với nhau theo quy định của pháp luật;

b) Phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

c) Thực hiện thống kê về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi quản lý của địa phương; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính tại Bộ Tư pháp.

d) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành để thực hiện kiểm tra liên ngành về tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

đ) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thanh tra theo quy định của pháp luật hoặc khi có phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, báo chí về việc áp dụng pháp luật và xử lý vi phạm hành chính có ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

e) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn.

25. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về thi hành án dân sự, hành chính theo quy định của pháp luật và quy chế phối hợp công tác giữa cơ quan tư pháp và cơ quan thi hành án dân sự địa phương do Bộ Tư pháp ban hành.

26. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác tư pháp, pháp luật đối với Phòng Tư pháp cấp huyện, công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, các tổ chức và cá nhân khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

27. Kiểm tra, thanh tra đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thi hành pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng theo quy định của pháp luật hoặc theo sự phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

28. Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính và cải cách thủ tục hành chính đối với các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp.

29. Thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật và công tác tư pháp theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

30. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ thông tin trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

31. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Văn phòng Sở, Thanh tra Sở, các phòng chuyên môn nghiệp vụ và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

32. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy

định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

33. Thực hiện công tác thông tin, thống kê, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực công tác được giao với Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp.

34. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp theo quy định của pháp luật.

35. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp

1. Lãnh đạo Sở Tư pháp gồm có: Giám đốc Sở và không quá 03 (ba) Phó Giám đốc Sở.

2. Các tổ chức tham mưu, tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ

a) Phòng Xây dựng, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến giáo dục pháp luật và thi hành pháp luật.

Cơ cấu gồm: Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và các chuyên viên.

b) Phòng Bổ trợ và Hành chính tư pháp

Cơ cấu gồm: Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và các chuyên viên.

c) Văn phòng Sở

Cơ cấu gồm: Chánh Văn phòng, 02 Phó Chánh Văn phòng; Chuyên viên một cửa; Chuyên viên tổng hợp, thi đua; Kế toán; Văn thư, lưu trữ kiêm Thủ quỹ, Thủ kho; Lái xe; Phục vụ.

d) Thanh tra Sở

Cơ cấu gồm: Chánh Thanh tra, các Thanh tra viên hoặc chuyên viên.

3. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp

a) Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước

Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp, do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng. Cơ cấu gồm:

- Lãnh đạo Trung tâm: Giám đốc và 01 Phó Giám đốc.

- Các phòng thuộc Trung tâm:

+ Phòng Hành chính - Tổng hợp, gồm: Trưởng phòng; chuyên viên tổng hợp; văn thư kiêm thủ quỹ, thủ kho; kế toán; người lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (Lái xe).

+ Phòng Pháp luật Hình sự - Hành chính- Lao động, gồm: Trưởng phòng; 01 Phó Trưởng phòng; các trợ giúp viên pháp lý và viên chức nghiệp vụ.

+ Phòng Pháp luật Dân sự - Đất đai - Xã hội, gồm: Trưởng phòng; 01 Phó Trưởng phòng; các trợ giúp viên pháp lý và viên chức nghiệp vụ.

b) Phòng Công chứng số 1

Phòng Công chứng số 1 là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp, tự đảm bảo chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng. Cơ cấu gồm: Trưởng Phòng, 01 Phó Trưởng Phòng; Công chứng viên; viên chức nghiệp vụ; kế toán; văn thư kiêm thủ kho, thủ quỹ, nhân viên phục vụ.

c) Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản

Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp, tự đảm bảo chi thường xuyên, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng. Cơ cấu gồm: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc; Đấu giá viên; viên chức nghiệp vụ; kế toán; văn thư kiêm thủ kho, thủ quỹ, lái xe, phục vụ.

4. Biên chế của Sở Tư pháp

a) Biên chế công chức hành chính của Sở Tư pháp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và nằm trong tổng biên chế công chức hành chính trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh.

b) Số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Tư pháp (*trừ đơn vị được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy*) do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

c) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm Sở Tư pháp xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Trách nhiệm thực hiện

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các phòng, đơn vị thuộc Sở và các đơn vị sự

nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp, các phòng thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp; rà soát, sửa đổi các quy chế, quy định khác có liên quan đảm bảo cho công tác điều hành, hoạt động của Sở theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn Sở Tư pháp tổ chức thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, bãi bỏ các văn bản sau đây:

1. Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định số 1638/QĐ-CT ngày 01/10/2008 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp.

3. Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 01/10/2008 của UBND tỉnh về việc chuyển đổi Phòng Công chứng số 1 thành đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Tư pháp.

4. Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh Quy định, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản Tuyên Quang.

5. Điều 3 Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của UBND tỉnh Đổi tên Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản Tuyên Quang thành Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, TP;
- Như Điều 6 (thực hiện);
- Báo Tuyên Quang, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh.
- Lưu: VT, NC.

Báo
cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huấn

